

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435701)

Ngày thi: 25/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 21..

Số bài thi: ..21.....

Số tờ giấy thi: 21..

| STT | Mã SV      | Họ và Tên      | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | D.QT (40%) | D.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|----------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|---------|
| 1   | 2122240007 | Hồ Thị Giang   | 25/12/1999 | CCQ2224A | 03          | Giang     | 8.4        | 6,0         | 70      |         |
| 2   | 2122240074 | Nguyễn Hoàng   | 10/03/2004 | CCQ2224C |             |           |            |             |         | HP      |
| 3   | 2122240096 | Phạm Thị Thu   | 31/07/2004 | CCQ2224D |             |           | 0.0        |             |         |         |
| 4   | 2122240017 | Trần Ngọc Hân  | 04/03/2004 | CCQ2224A | 02          | Hân       | 6.6        | 4,8         | 55      |         |
| 5   | 2122240113 | Trương Hoàng   | 05/04/2004 | CCQ2224D |             |           |            |             |         | HP      |
| 6   | 2122240109 | Lê Thùy Mỹ     | 15/09/2004 | CCQ2224D | 01          | Hầu       | 7.8        | 3,2         | 50      |         |
| 7   | 2122240038 | Kim Thị Bé     | 01/12/2002 | CCQ2224B |             |           |            |             |         | HP      |
| 8   | 2122240028 | Hồ Thị Kim     | 08/05/2004 | CCQ2224A | 04          | Hoa       | 7.1        | 6,2         | 66      |         |
| 9   | 2122240048 | Trần Khánh     | 02/02/2004 | CCQ2224B | 03          | Khánh     | 7.1        | 6,2         | 66      |         |
| 10  | 2122240052 | Lê Công        | 26/06/1999 | CCQ2224B | 02          | Công      | 7.4        | 7,2         | 7,3     |         |
| 11  | 2122240160 | Tô Minh        | 29/10/2004 | CCQ2224B |             |           |            |             |         | HP      |
| 12  | 2122240207 | Triệu Nhật     | 06/12/2002 | CCQ2224B |             |           |            |             |         | HP      |
| 13  | 2122240040 | Nguyễn Anh     | 12/01/2004 | CCQ2224B | 01          | Anh       | 7.9        | 7,6         | 78      |         |
| 14  | 2121240070 | Nguyễn Đức     | 02/10/2003 | CCQ2124C |             |           |            |             |         | HP      |
| 15  | 2122240011 | Trần Thị       | 25/08/2004 | CCQ2224A | 04          | Thị       | 7.7        | 5,0         | 6,1     |         |
| 16  | 2122240021 | Đường Thúc     | 11/12/2004 | CCQ2224A | 01          | Thúc      | 6.7        | 2,8         | 4,4     |         |
| 17  | 2122240110 | Hoàng Thị      | 10/11/2001 | CCQ2224D | 02          | Mai       | 9.1        | 8,0         | 8,4     |         |
| 18  | 2122240032 | Vũ Thị Ngọc    | 01/01/2004 | CCQ2224A | 03          | Ngọc      | 8.2        | 6,2         | 7,0     |         |
| 19  | 2122240116 | Phạm Quang     | 29/10/2003 | CCQ2224D | 04          | Quang     | 6.4        | 6,4         | 6,4     |         |
| 20  | 2122240070 | Nguyễn Vũ Hà   | 13/05/2004 | CCQ2224C | 01          | Hà        | 5.6        | 3,0         | 4,0     |         |
| 21  | 2122240067 | Võ Thị Ánh     | 25/01/2004 | CCQ2224C | 02          | Ánh       | 8.5        | 5,0         | 6,4     |         |
| 22  | 2122240010 | Lê Thị Xuân    | 20/10/2004 | CCQ2224A | 01          | Xuân      | 7.6        | 5,2         | 6,2     |         |
| 23  | 2122240089 | Nguyễn Thị Ánh | 10/02/2004 | CCQ2224C | 04          | Ánh       | 9.1        | 7,2         | 8,0     |         |
| 24  | 2122240025 | Mai Ngọc Ý     | 19/01/2004 | CCQ2224A | 03          | Ý         | 7.1        | 4,6         | 5,6     |         |
| 25  | 2122240062 | Ông Thị Thiên  | 04/10/2004 | CCQ2224B | 02          | Thiên     | 7.0        | 3,2         | 4,7     |         |
| 26  | 2122240022 | Phạm Thị Yến   | 08/08/2004 | CCQ2224A | 01          | Yến       | 6.2        | 3,0         | 4,3     |         |
| 27  | 2122240024 | Nguyễn Tú      | 20/01/2004 | CCQ2224A | 04          | Tú        | 6.6        | 3,2         | 4,6     |         |
| 28  | 2122240152 | Đinh Thịnh     | 12/05/2003 | CCQ2224B |             |           |            |             |         | HP      |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435701)

Ngày thi: 25/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 21...

Số bài thi: 21.....

Số tờ giấy thi: 21...

*(Handwritten signatures and initials in blue and red ink)*

| STT | Mã SV      | Họ và Tên     | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|---------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|---------|
| 29  | 2122240066 | Vũ Thu Phương | 23/01/2003 | CCQ2224C | 03          | Phương    | 7.3        | 36          | 5,1     |         |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435701)

Ngày thi: 25/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 25.

Số bài thi: .....25.

Số tờ giấy thi: 25.

| STT | Mã SV      | Họ và Tên         | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|---------|
| 1   | 2121240176 | Đoàn Xuân Quí     | 16/06/1999 | CCQ2124F | 02          | Quí       | 7.7        | 7.2         | 7.4     |         |
| 2   | 2122240156 | Đỗ Anh Quốc       | 16/10/2002 | CCQ2224B |             |           | 0.0        |             |         |         |
| 3   | 2122240058 | Ngô Nguyễn Thanh  | 29/05/2004 | CCQ2224B | 04          | Thanh     | 7.1        | 5.2         | 6.0     |         |
| 4   | 2122240060 | Vũ Thị Trúc       | 27/10/2004 | CCQ2224B | 01          | Trúc      | 6.3        | 4.2         | 5.0     |         |
| 5   | 2122240148 | Hoàng Đặng Thế    | 01/04/2004 | CCQ2224E | 02          | Thế       | 7.4        | 6.2         | 6.7     |         |
| 6   | 2122240103 | Phan Vũ           | 20/12/2004 | CCQ2224D | 03          | Phan      | 6.7        | 3.6         | 4.8     |         |
| 7   | 2122240009 | Đỗ Thị            | 09/03/2000 | CCQ2224A | 04          | Thảo      | 5.4        | 4.6         | 4.9     | HP      |
| 8   | 2122240053 | Nguyễn Phạm Thanh | 28/10/2004 | CCQ2224B | 01          | Thanh     | 6.3        | 3.6         | 4.7     |         |
| 9   | 2122240023 | Nguyễn Trần Ngọc  | 22/12/2004 | CCQ2224A | 02          | Ngọc      | 9.0        | 7.8         | 8.3     |         |
| 10  | 2122240204 | Huỳnh Thị Kiều    | 12/04/2004 | CCQ2224C | 03          | Kiều      | 5.9        | 4.2         | 4.9     |         |
| 11  | 2122240016 | Nguyễn Thanh      | 10/12/2004 | CCQ2224A | 04          | Thanh     | 9.1        | 7.2         | 8.0     |         |
| 12  | 2122240039 | Chu Thị           | 16/11/1998 | CCQ2224B | 01          | Thúy      | 7.2        | 6.2         | 6.6     |         |
| 13  | 2122240008 | Lê Thị Hồng       | 26/04/2001 | CCQ2224A | 03          | Hồng      | 8.8        | 7.8         | 8.2     |         |
| 14  | 2122240013 | Đàng Thị Mỹ Kim   | 23/04/2001 | CCQ2224A | 03          | Kim       | 6.2        | 3.4         | 4.5     |         |
| 15  | 2122240155 | Nguyễn Thị Hoài   | 10/08/2002 | CCQ2224B | 04          | Hoài      | 5.9        | 4.4         | 5.0     |         |
| 16  | 2122240059 | Huỳnh Nguyễn Bảo  | 19/06/2004 | CCQ2224B | 01          | Bảo       | 8.3        | 4.0         | 5.7     |         |
| 17  | 2122240035 | Hồ Thị Huyền      | 24/10/2004 | CCQ2224B | 02          | Huyền     | 6.5        | 3.4         | 4.6     |         |
| 18  | 2122240205 | Lâm Đoàn Quốc     | 07/05/2004 | CCQ2224B | 02          | Quốc      | 8.3        | 8.6         | 8.5     |         |
| 19  | 2122240014 | Nguyễn Thanh Minh | 23/12/2001 | CCQ2224A |             |           |            |             |         | HP      |
| 20  | 2122240063 | Đạo Thanh         | 28/01/2004 | CCQ2224C | 01          | Thanh     | 6.2        | 4.2         | 5.0     |         |
| 21  | 2122240018 | Bùi Thị Ngọc      | 31/12/2002 | CCQ2224A | 02          | Ngọc      | 7.5        | 5.2         | 6.1     |         |
| 22  | 2122240212 | Hồ Thị Phương     | 13/06/2004 | CCQ2224B | 02          | Phương    | 8.5        | 6.8         | 7.5     |         |
| 23  | 2122240054 | Nguyễn Trần Thảo  | 02/12/2004 | CCQ2224B | 03          | Thảo      |            | 4.8         |         | HP      |
| 24  | 2122240158 | Nguyễn Thuý       | 27/10/2004 | CCQ2224B | 04          | Thuý      | 6.1        | 4.4         | 5.1     |         |
| 25  | 2122240111 | Phạm Thị          | 25/11/2001 | CCQ2224D |             |           |            |             |         | HP      |
| 26  | 2122240047 | Nguyễn Thị        | 04/08/2003 | CCQ2224B | 02          | Thị       | 6.5        | 5.0         | 5.6     |         |
| 27  | 2122240033 | Trần Thị Diễm     | 20/06/2004 | CCQ2224A | 03          | Diễm      | 6.9        | 5.8         | 6.2     |         |
| 28  | 2122240037 | Võ Tường          | 31/01/2004 | CCQ2224B | 04          | Tường     | 7.3        | 8.0         | 7.7     |         |